

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/2016/NQ-HĐND

Vĩnh Phúc, ngày 21 tháng 7 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập
và hỗ trợ học phí cho giáo dục mầm non từ năm học 2016 - 2017
đến năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25/11/2009;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Khoản 8, Điều 10 Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của liên bộ: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Xét Tờ trình số 121/TTr-UBND ngày 30/5/2016 của UBND tỉnh đề nghị ban hành quy định mức thu học phí từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 như sau:

1. Đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông

Thu học phí theo điểm trường thuộc các vùng trong tỉnh, cụ thể: Vùng thành thị gồm các phường và thị trấn; vùng nông thôn gồm các xã không phải xã miền núi; Vùng miền núi gồm các xã miền núi.

a) Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập

STT	Bậc học	Mức thu học phí năm học 2016 - 2017 (nghìn đồng/ học sinh/ tháng)		
		Thành thị	Nông thôn	Miền núi
1	Mầm non:			
	Nhà trẻ bán trú	160	100	60
	Nhà trẻ không bán trú	100	80	40
	Mẫu giáo bán trú	140	80	50
	Mẫu giáo không bán trú	100	60	30
2	Trung học cơ sở	80	60	30
3	Trung học phổ thông	120	90	60
	Riêng Trường THPT Chuyên Vĩnh Phúc	180		

b) Các cơ sở giáo dục thường xuyên được áp dụng mức thu học phí của các trường phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn.

c) Từ năm học 2017 - 2018 trở đi, học phí được điều chỉnh theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân hàng năm do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo, HĐND tỉnh giao UBND tỉnh quyết định điều chỉnh mức thu học phí theo mức tăng của chỉ số giá tiêu dùng tăng hàng năm.

d) Số tháng thu học phí: Thu theo số tháng thực học nhưng không quá 09 tháng/năm học.

2. Đối với giáo dục nghề nghiệp

a) Mức thu đối với các trường cao đẳng (CĐ), trung cấp (TC) công lập chưa tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư bằng 90% mức trần quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng/người/tháng

Nhóm ngành		Năm học	Năm học	Năm học	Năm học	Năm học
		2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	TC	420	470	510	560	620
	CĐ	490	530	590	640	700

2. Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	TC	500	550	600	670	740
	CD	570	630	690	770	850
3. Y dược	TC	610	680	750	820	900
	CD	700	770	850	940	1030

b) Số tháng thu học phí: Thu theo số tháng thực học nhưng không quá 10 tháng/năm học.

c) Mức thu học phí học lại: Thu như mức quy định tại Điểm a, Khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này; trường hợp sinh viên học lại từng môn, căn cứ thời lượng chương trình và mức thu quy định cho cả khóa học nhà trường tính toán mức thu cho từng môn học đảm bảo phù hợp, không vượt mức quy định.

Điều 2. Hỗ trợ học phí cho giáo dục mầm non:

Hỗ trợ 100% học phí cho trẻ em học mẫu giáo tại các trường mầm non ở nông thôn, miền núi; trẻ em học mẫu giáo là con nông dân ở các phường, thị trấn học tại các trường công lập thuộc tỉnh.

Hàng năm, UBND tỉnh lập dự toán kinh phí thực hiện cấp bù hỗ trợ học phí theo quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. HĐND tỉnh giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực, các Ban, Tổ đại biểu và Đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XVI, kỳ họp thứ 2, thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2016. /

Nơi nhận:

- UBTVQH, CP;
- VPQH, VPCP;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Bộ GD-ĐT,
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- TIHU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành, thị;
- Báo VP, Đài PT-TH, Cổng TTĐT, Công báo tỉnh;
- CPVP, CV;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Văn Vinh

